

**V I E T N A M E S E
BASIC COURSE**

**T E X T B O O K
Introductory Module**

September 1990

**DEFENSE LANGUAGE INSTITUTE
FOREIGN LANGUAGE CENTER**

TABLE OF CONTENTS

Day One

I.	Objectives	1
II.	Vietnam	
A.	Location and Cities	
	Presentation (Maps)	2
	Practice	9
B.	Tones	
	Presentation and practice	10
C.	Main Rivers	
	Presentation (Maps)	14
	Practice	17
D.	Tone Review	
	Practice	20
III.	Laboratory Exercises	93 - 100
IV.	Homework	121 - 127

Day Two

I.	Vietnam	
A.	Language: Special Consonant and Vowels	
	Presentation	22
	Practice	23
B.	Consonants: Final and Initial	
	Presentation	27
C.	People's Names and Addressing People	
	Presentation	30
	Practice	32
D.	Tones Review and Practice	34
II.	Occupations	
	Presentation	37
	Practice	38

III. Laboratory Exercises	101 - 107
IV. Homework	128 - 133

Day Three

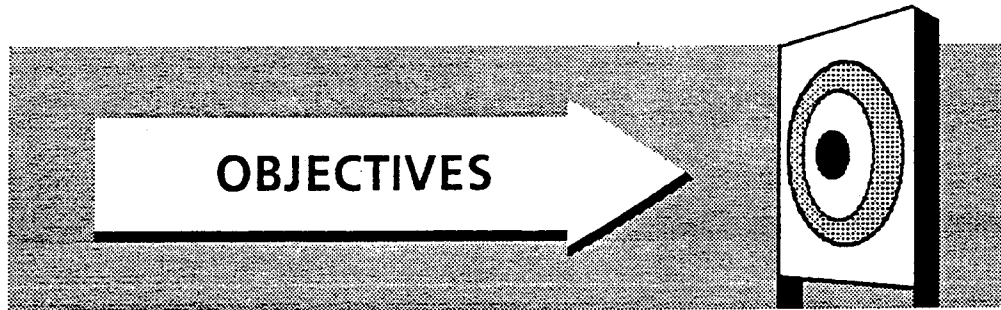
I. Diphthongs	
Presentation	41
Practice	42
II. Currency and Numbers	
Presentation	53
Practice	55
III. Triphthongs	
Presentation	56
Practice	57
IV. Laboratory Exercises	108 - 112
V. Homework	134 - 139

Day Four

I. New Vocabulary and Numbers	
A. Paper Money: New Words and Numbers	
Presentation	61
B. Tones, Numbers, Consonants, and Vowels Review	
Practice	63
II. More New Vocabulary and Numbers	
A. Paper Money: New Words	
Presentation	67
B. Diphthongs, Triphthongs, Consonants, Numbers, and Review	
Practice	68
III. Laboratory Exercises	113 - 117
IV. Homework	140 - 145

Day Five

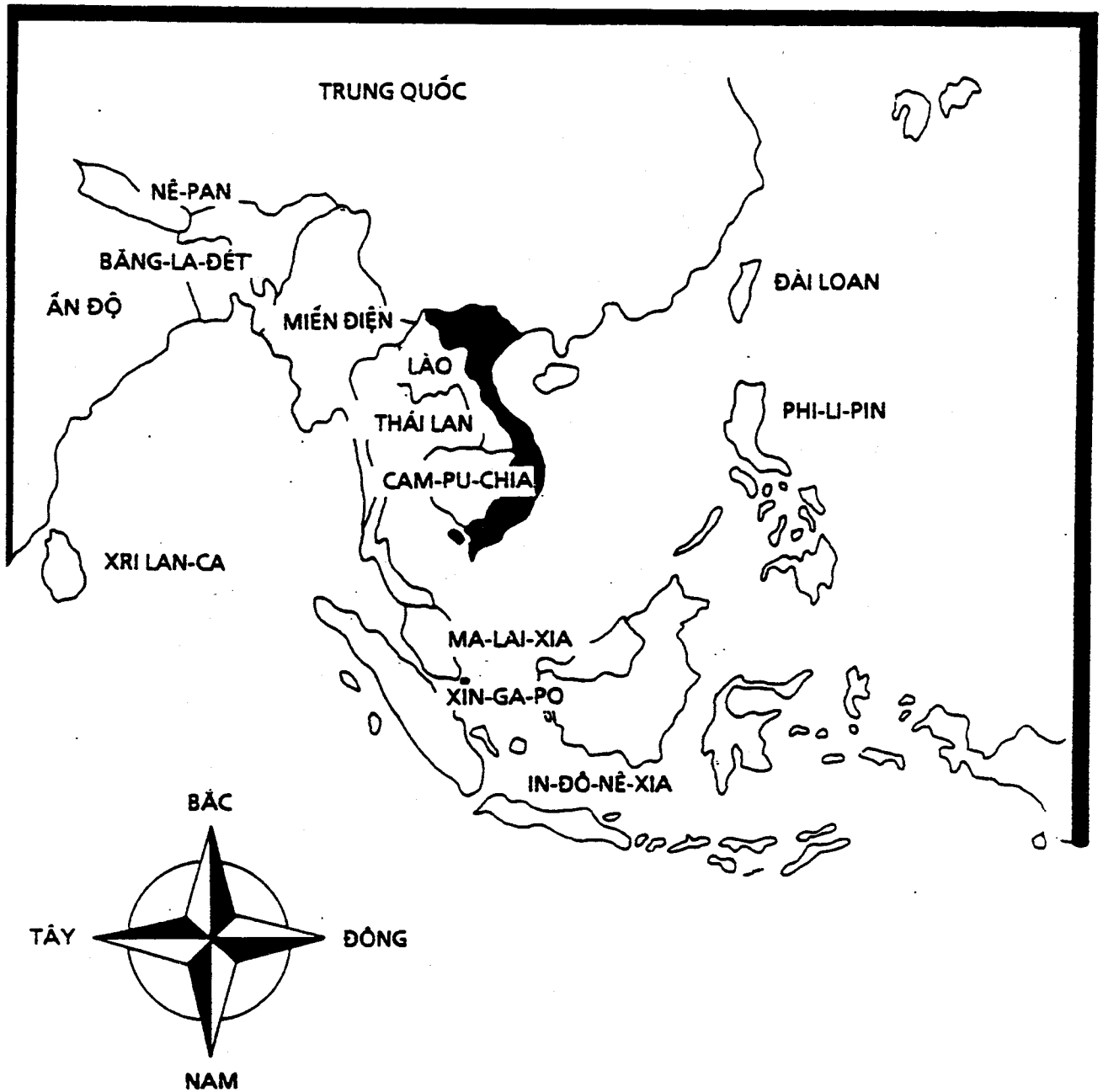
I.	New Vocabulary	
	A. Paper Money: New Words and Numbers	
	Presentation and Review	72
	B. Diphthongs, Tones, Single Vowels, and Numbers Review	
	Practice	74
	C. Number Recognition	
	Practice	82
	D. Some Common Verbs Review	85
II.	Vietnamese Alphabet Review	86
III.	Vocabulary List	90
IV.	Laboratory Exercises	118 - 120
V.	Homework	146 - 152
VI.	General Information	
	Vietnamese Names	153
	General Description of the Vietnamese Language ...	155



At the end of this module, you will be



- A. able to discriminate the six Vietnamese tones:
Không (), Huyền (˘), Sắc (ˆ),
Hỏi (ˆ), Ngã (˜), and Nặng (˙).
- B. familiar with the letters of the Vietnamese alphabet and their corresponding sounds.
- Vowels (simple and derived)
 - Diphthongs and triphthongs
 - Initial single and compound consonants
 - Final single and compound consonants
- C. able to
- locate Vietnam on a map of Southeast Asia.
 - identify Vietnam's main geographical regions, important cities, rivers, and landmarks.
- D. familiar with
- people's names and occupations.
 - Vietnamese currency.
 - numbers from 1 to 100.
- E. able to understand and pronounce the words in C and D above.

VIỆT NAM Ở ĐÔNG NAM Á VIETNAM IN SOUTHEAST ASIA



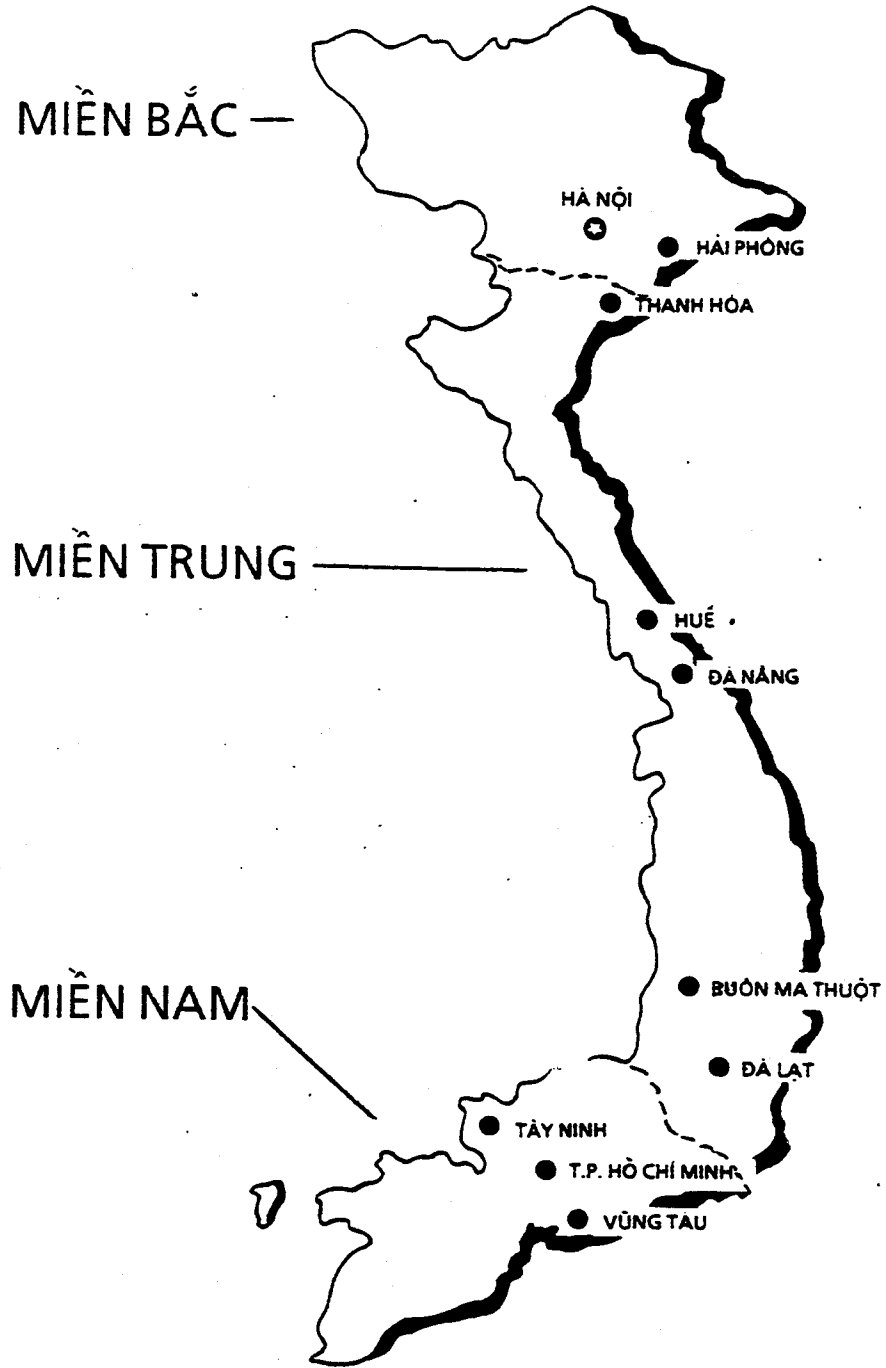
VIỆT NAM VÀ BANG CA-LI VIETNAM AND STATE OF CALIFORNIA



Bang Ca-li = 26.000.000 dân (1986)	
Việt Nam = 60.000.000 dân	

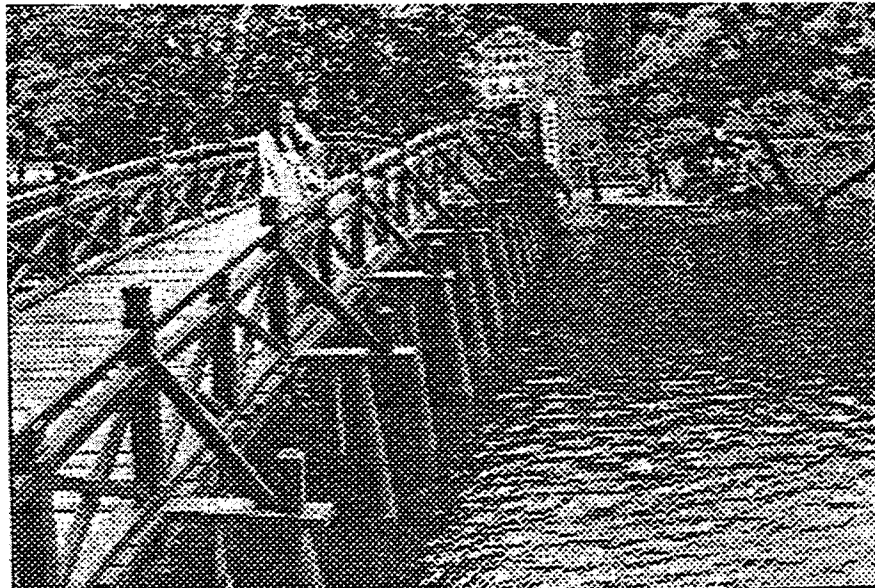
TÊN CÁC THÀNH PHỐ

CITY NAMES





Hồ Gươm (Hà Nội)



Đền Ngọc Sơn trên Hồ Gươm (Hà Nội)



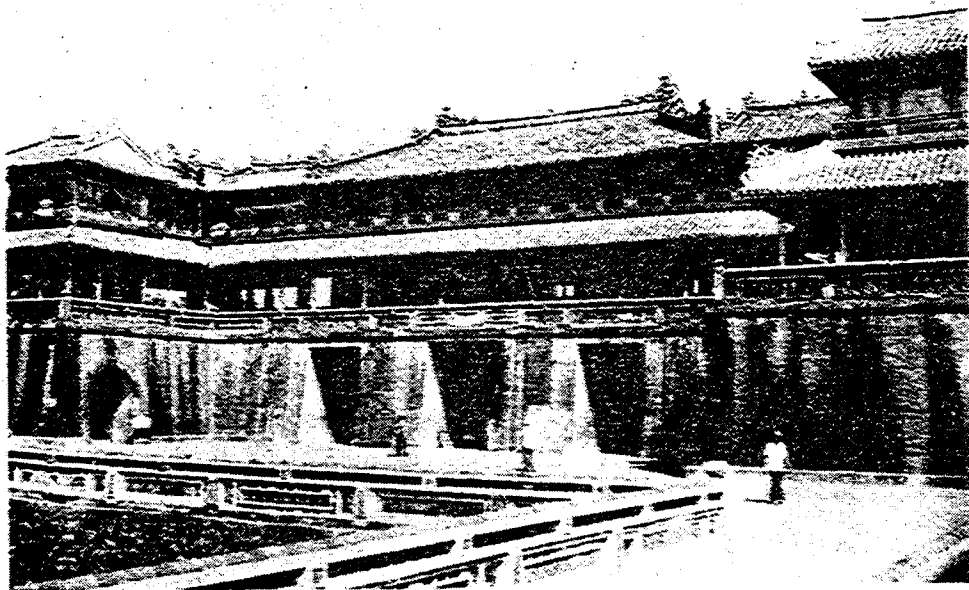
Chợ Bến Thành (T.P. Hồ Chí Minh)



Thành Phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn)

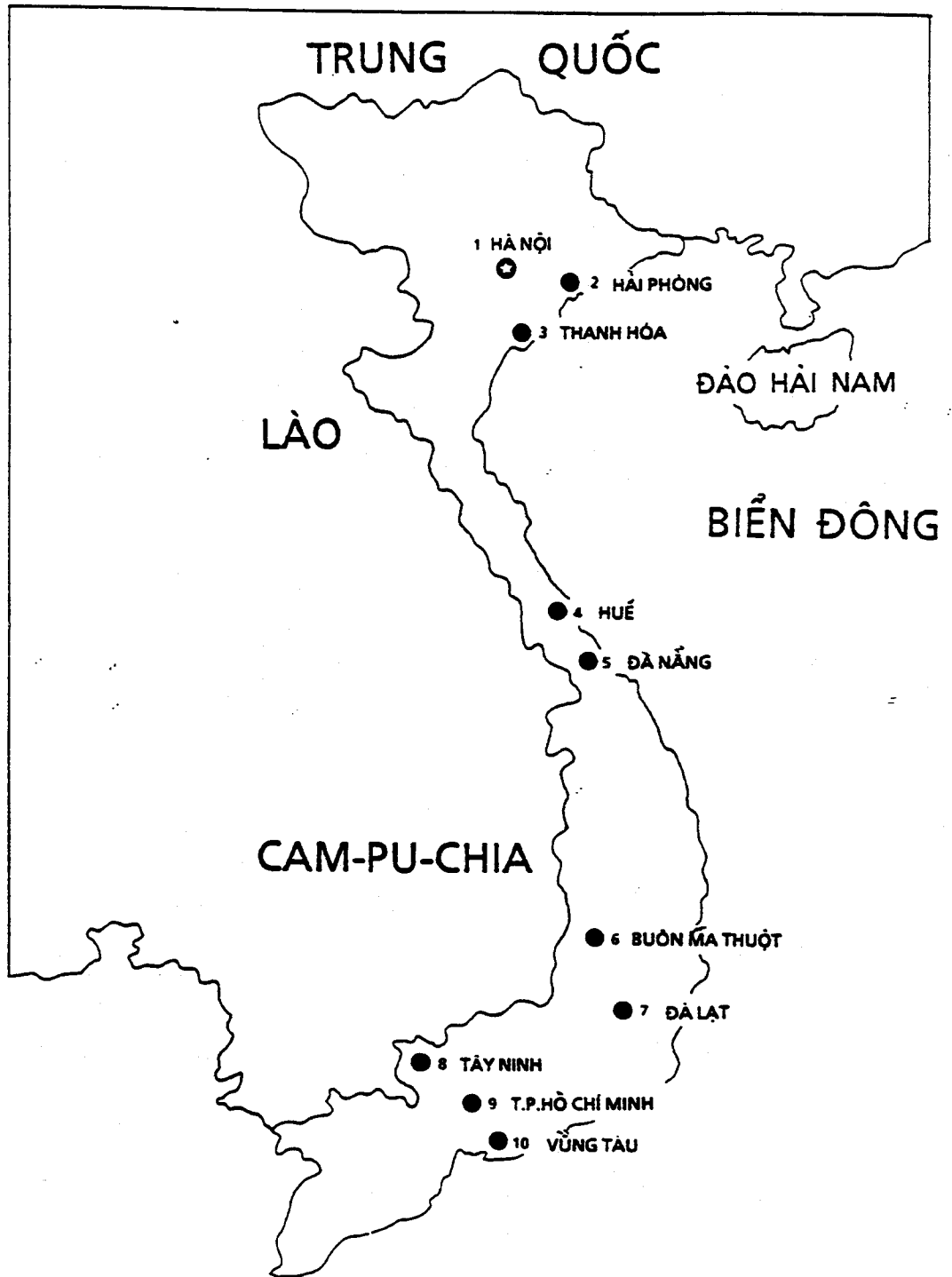


Chùa Linh Mụ (Huế)



BẢN ĐỒ VIỆT NAM

MAP OF VIETNAM



TÊN THÀNH PHỐ CITY NAMES

Bài Tập 1.

On the tape you will hear a series of nine sentences, each of which includes the name of a Vietnamese city. As you hear each city name, locate it on the map on Page 8 and place the number next to it in the space below. The first one has been done for you as an example.

- A. _____ 5 _____
- B. _____
- C. _____
- D. _____
- E. _____
- F. _____
- G. _____
- H. _____
- I. _____

DẤU TONES

NAMES*	SYMBOLS	EXAMPLES
KHÔNG DẤU **		Tây Ninh, Buôn Ma (Thuột)
DẤU HUYỀN	\	Hồ (Chí Minh), Đà (Nẵng)
DẤU SẮC	/	Huế, (Thanh) Hoá
DẤU HỎI	?	Hải (Phòng)
DẤU NGÃ	~	(Đà) Nẵng, Vũng (Tàu)
DẤU NẶNG	•	(Hà) Nội, (Đà) Lạt

NOTES :

* *The sequence of the tones is very important. This tone order is presently used in most dictionaries in Vietnam.*

** *There is no symbol for the level tone. Four tone symbols are placed above the vowels of a word, and one is positioned beneath a word. Each word can have only one tone.*

DẤU TONES

Bài Tập 2.

Looking just at the tone marks, indicate in the spaces below how many times each tone mark appears in the following Vietnamese paragraph. The first one has been done for you as an example.






Sông Cửu Long bắt nguồn từ Tây Tạng và chảy qua Lào, Cam-pu-chia. Sông này cũng chảy qua miền Nam Việt Nam, rồi đổ ra biển bằng chín nhánh.

TONES		NUMBER OF WORDS
A. Không dấu	()	<u>10</u>
B. Dấu Huyền	(˘)	_____
C. Dấu Sắc	(ˊ)	_____
D. Dấu Hỏi	(ˆ)	_____
E. Dấu Ngã	(ˋ)	_____
F. Dấu Nặng	(ˑ)	_____

DẤU. TONES

Bài Tập 3.

You will hear a series of Vietnamese sentences. Write in the appropriate blank spaces below the tone number for the first two words of each sentence. Each item will be voiced twice. The first one has been done for you as an example.

					
Không 1	Huyền 2	Sắc 3	Hỏi 4	Ngã 5	Nặng 6

	1ST WORD	2ND WORD
A.	<u>2</u>	<u>2</u>
B.	_____	_____
C.	_____	_____
D.	_____	_____
E.	_____	_____
F.	_____	_____
G.	_____	_____
H.	_____	_____